

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ
CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN

SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA

GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7

CÁNH DIỀU



HÀ NỘI – 2022

NHÓM TÁC GIẢ BIÊN SOẠN:

PGS.TS Phạm Việt Thắng
TS Trần Văn Thắng
Th.S Dương Thị Thuý Nga
Th.S Hoàng Thị Thịnh
TS Hoàng Thị Thuận

Phần thứ nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I- GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 7

1.1. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt của môn Giáo dục công dân lớp 7

1.1.1. Mục tiêu

Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, môn Giáo dục công dân được thực hiện ở ba cấp học: Ở cấp Tiểu học gọi là môn Đạo đức; ở cấp Trung học cơ sở gọi là môn Giáo dục công dân; ở cấp Trung học phổ thông gọi là môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

Mục tiêu của môn Giáo dục công dân (GD CD) ở cấp Trung học cơ sở nhằm:

a) Giúp học sinh có hiểu biết về những chuẩn mực đạo đức, pháp luật cơ bản và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực đó; tự hào về truyền thống gia đình, quê hương, dân tộc; tôn trọng, khoan dung, quan tâm, giúp đỡ người khác; tự giác, tích cực học tập và lao động; có thái độ đúng đắn, rõ ràng trước các hiện tượng, sự kiện trong đời sống; có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội, công việc và môi trường sống.

b) Giúp học sinh có tri thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kỹ năng sống, kinh tế, pháp luật; đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; thực hiện được các công việc để đạt mục tiêu, kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân; biết cách thiết lập, duy trì mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh, thích ứng với xã hội biến đổi và giải quyết các vấn đề đơn giản trong đời sống của cá nhân, cộng đồng phù hợp với giá trị văn hoá, chuẩn mực đạo đức, quy tắc của cộng đồng, quy định của pháp luật và lứa tuổi.

1.1.2. Yêu cầu cần đạt

a) Về năng lực

*** Các năng lực chung**

Môn GD CD lớp 7 góp phần hình thành, phát triển ở học sinh ba năng lực chung:

Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; không đồng tình với những hành vi sống ỷ lại, dựa dẫm vào người khác. Biết làm chủ tình cảm, cảm xúc để có hành vi phù hợp trong học tập và đời sống. Biết thực hiện kiên trì kế hoạch học tập, lao động. Kiên trì vượt qua khó khăn để hoàn thành công việc cần thiết đã định. Nhận thức được sở thích, khả năng của bản

thân. Biết rèn luyện, khắc phục những hạn chế của bản thân hướng tới các giá trị xã hội.

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cách thiết lập, duy trì và phát triển các mối quan hệ với các thành viên của cộng đồng (họ hàng, bạn bè, hàng xóm,...); hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống trong học tập; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập. Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề; đề xuất được giải pháp giải quyết vấn đề. Biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

*** Các năng lực đặc thù**

Môn GD&CD có ba năng lực đặc thù là: năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội. Các năng lực đặc thù này là biểu hiện đặc thù của các năng lực chung và năng lực khoa học đã được nêu trong Chương trình tổng thể.

Chương trình môn GD&CD quy định yêu cầu cần đạt về các năng lực đặc thù này đối với học sinh trung học cơ sở (THCS) như sau:

Năng lực điều chỉnh hành vi:

● *Nhận thức chuẩn mực hành vi*

– Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, pháp luật phổ thông, cơ bản, phù hợp với lứa tuổi và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó.

– Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.

– Nhận biết được mục đích, nội dung, phương thức giao tiếp và hợp tác trong việc đáp ứng các nhu cầu của bản thân và giải quyết các vấn đề học tập, sinh hoạt hằng ngày.

– Nhận biết được sự cần thiết phải tiết kiệm tiền; nguyên tắc quản lí tiền; cách lập kế hoạch chi tiêu và tiêu dùng thông minh.

● *Đánh giá hành vi của bản thân và người khác*

– Đánh giá được tác dụng và tác hại của thái độ, hành vi đạo đức và pháp luật của bản thân và người khác trong học tập và sinh hoạt.

– Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi tích cực; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi tiêu cực về đạo đức và pháp luật.

– Đánh giá được bối cảnh giao tiếp, đặc điểm và thái độ của đối tượng giao tiếp; khả năng và nguyện vọng của bản thân, khả năng của các thành viên trong nhóm hợp tác.

- *Điều chỉnh hành vi*

- Tự thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống; phê phán những hành vi, thói quen sống dựa dẫm, ỷ lại.

- Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và phù hợp với lứa tuổi; sống tự chủ, không đua đòi, ăn tiêu lãng phí, nghịch ngợm, càn quấy, không làm những việc xấu (bạo lực học đường, mắc tệ nạn xã hội,...); biết rèn luyện, phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế của bản thân, hướng đến các giá trị xã hội.

- Tự thực hiện và giúp đỡ bạn bè thực hiện được một số hoạt động cơ bản, cần thiết để nhận thức, phát triển, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.

- Tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện nước; bước đầu biết quản lý tiền, tạo nguồn thu nhập cá nhân và chi tiêu hợp lý.

Năng lực phát triển bản thân:

- *Tự nhận thức bản thân*

- Tự nhận biết được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí và các quan hệ xã hội của bản thân.

- *Lập kế hoạch phát triển bản thân*

- Xác định được lí tưởng sống của bản thân; lập được mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện, kế hoạch chi tiêu cá nhân phù hợp theo hướng dẫn.

- Xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân sau trung học cơ sở với sự tư vấn của thầy cô giáo và người thân.

- *Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân*

- Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện; tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.

- Thực hiện được việc quản lý và chi tiêu tiền hợp lý theo kế hoạch đã đề ra.

Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội:

- *Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội*

- Hiểu được kiến thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật.

- Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội liên quan đến đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống và kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

- Bước đầu biết cách thu thập, xử lý thông tin để tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

- *Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội*

- Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được các vấn đề thường gặp hoặc một số vấn đề về đạo đức, kỹ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi trong những tình huống mới của cá nhân, gia đình, cộng đồng.

- Hình thành, duy trì được mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh và thích ứng được với xã hội biến đổi.

- Nêu được tình huống có vấn đề; hình thành được ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; có khả năng tham gia thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đạo đức, kỹ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

- Biết lắng nghe tích cực trong giao tiếp; đề xuất được phương án tổ chức, chủ động hoàn thành nhiệm vụ được giao; khiêm tốn học hỏi và giúp đỡ các thành viên khác cùng hoàn thành nhiệm vụ của nhóm trong hợp tác giải quyết các vấn đề học tập, lao động và hoạt động cộng đồng.

b) Về phẩm chất

Môn Giáo dục công dân lớp 7 góp phần bồi dưỡng cho học sinh 5 phẩm chất:

Yêu nước: Có ý thức tìm hiểu truyền thống của quê hương; tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống của quê hương.

Nhân ái: Luôn quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người. Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng, sẵn sàng giúp đỡ mọi người.

Chăm chỉ: Luôn tự giác, tích cực cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập. Tham gia vào công việc trong gia đình phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân. Luôn cố gắng đạt kết quả tốt trong lao động ở trường lớp và ở cộng đồng.

Trung thực: Luôn thống nhất giữa lời nói với việc làm. Giữ lời hứa với mọi người. Đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.

Trách nhiệm: Có ý thức bảo tồn các giá trị văn hoá, lịch sử của đất nước; xây dựng và thực hiện chế độ học tập, sinh hoạt hợp lý. Có ý thức quản lý tiền, tiết kiệm trong chi tiêu của cá nhân và gia đình. Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động phòng chống bạo lực học đường, tệ nạn xã hội. Thực hiện nghĩa vụ của bản thân trong gia đình.

c) Các năng lực đặc thù

Môn GD&ĐT có ba năng lực đặc thù: năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực phát triển bản thân, năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội. Các năng lực đặc thù này là biểu hiện đặc thù của các năng lực chung và năng lực khoa học đã được nêu trong Chương trình tổng thể.

Chương trình môn GD&CD quy định yêu cầu cần đạt về các năng lực đặc thù này đối với học sinh trung học cơ sở (THCS) như sau:

*** Năng lực điều chỉnh hành vi**

● *Nhận thức chuẩn mực hành vi*

– Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, pháp luật phổ thông, cơ bản, phù hợp với lứa tuổi và giá trị, ý nghĩa của các chuẩn mực hành vi đó.

– Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.

– Nhận biết được mục đích, nội dung, phương thức giao tiếp và hợp tác trong việc đáp ứng các nhu cầu của bản thân và giải quyết các vấn đề học tập, sinh hoạt hằng ngày.

– Nhận biết được sự cần thiết phải tiết kiệm tiền; nguyên tắc quản lí tiền; cách lập kế hoạch chi tiêu và tiêu dùng thông minh.

● *Đánh giá hành vi của bản thân và người khác*

– Đánh giá được tác dụng và tác hại của thái độ, hành vi đạo đức và pháp luật của bản thân và người khác trong học tập và sinh hoạt.

– Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi tích cực; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi tiêu cực về đạo đức và pháp luật.

– Đánh giá được bối cảnh giao tiếp, đặc điểm và thái độ của đối tượng giao tiếp; khả năng và nguyện vọng của bản thân, khả năng của các thành viên trong nhóm hợp tác.

● *Điều chỉnh hành vi*

– Tự thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và cuộc sống; phê phán những hành vi, thói quen sống dựa dẫm, ỷ lại.

– Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè, người thân điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và phù hợp với lứa tuổi; sống tự chủ, không đua đòi, ăn tiêu lãng phí, nghịch ngợm, càn quấy, không làm những việc xấu (bạo lực học đường, mắc tệ nạn xã hội,...); biết rèn luyện, phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế của bản thân, hướng đến các giá trị xã hội.

– Tự thực hiện và giúp đỡ bạn bè thực hiện được một số hoạt động cơ bản, cần thiết để nhận thức, phát triển, tự bảo vệ bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống.

– Tiết kiệm tiền bạc, đồ dùng, thời gian, điện nước; bước đầu biết quản lí tiền, tạo nguồn thu nhập cá nhân và chi tiêu hợp lí.

*** Năng lực phát triển bản thân**

- *Tự nhận thức bản thân*

- Tự nhận biết được sở thích, điểm mạnh, điểm yếu, giá trị, vị trí và các quan hệ xã hội của bản thân.

- *Lập kế hoạch phát triển bản thân*

- Xác định được lí tưởng sống của bản thân; lập được mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện, kế hoạch chi tiêu cá nhân phù hợp theo hướng dẫn.

- Xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân sau trung học cơ sở với sự tư vấn của thầy cô giáo và người thân.

- *Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân*

- Kiên trì mục tiêu, kế hoạch học tập và rèn luyện; tự thực hiện được các công việc, nhiệm vụ của bản thân trong học tập và sinh hoạt hằng ngày.

- Thực hiện được việc quản lí và chi tiêu tiền hợp lí theo kế hoạch đã đề ra.

*** Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội**

- *Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội*

- Hiểu được kiến thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật.

- Nhận biết được một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề của đời sống xã hội liên quan đến đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống và kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

- Bước đầu biết cách thu thập, xử lí thông tin để tìm hiểu một số hiện tượng, sự kiện, vấn đề đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

- *Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội*

- Lựa chọn, đề xuất được cách giải quyết và tham gia giải quyết được các vấn đề thường gặp hoặc một số vấn đề về đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi trong những tình huống mới của cá nhân, gia đình, cộng đồng.

- Hình thành, duy trì được mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh và thích ứng được với xã hội biến đổi.

- Nêu được tình huống có vấn đề; hình thành được ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; có khả năng tham gia thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đạo đức, kĩ năng sống, pháp luật, kinh tế phù hợp với lứa tuổi.

- Biết lắng nghe tích cực trong giao tiếp; đề xuất được phương án tổ chức, chủ động hoàn thành nhiệm vụ được giao; khiêm tốn học hỏi và giúp đỡ các thành viên khác cùng hoàn thành nhiệm vụ của nhóm trong hợp tác giải quyết các vấn đề học tập, lao động và hoạt động cộng đồng.

1.2. Kế hoạch giáo dục môn Giáo dục công dân lớp 7

Thời lượng môn Giáo dục công dân: 1 tiết/tuần x 35 tuần = 35 tiết, trong đó:

- Giáo dục đạo đức: 35%
- Giáo dục kỹ năng sống: 20%
- Giáo dục pháp luật: 25%
- Giáo dục kinh tế: 10%
- 10% thời lượng còn lại dành cho các hoạt động đánh giá định kì.

Thời lượng dành cho mỗi bài:

Bài	Số tiết
Bài 1. Tự hào về truyền thống quê hương	2
Bài 2. Bảo tồn di sản văn hoá	3
Bài 3. Quan tâm, cảm thông và chia sẻ	3
Bài 4. Học tập tự giác, tích cực	2
Bài 5. Giữ chữ tín	2
Bài 6. Quản lí tiền	3
Bài 7. Ứng phó với tâm lí căng thẳng	3
Bài 8. Bạo lực học đường	2
Bài 9. Ứng phó với bạo lực học đường	2
Bài 10. Tệ nạn xã hội	3
Bài 11. Thực hiện phòng chống tệ nạn xã hội	3
Bài 12. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình	3

Tổ/nhóm chuyên môn có thể thống nhất xây dựng kế hoạch và đề xuất với Hiệu trưởng quyết định về số tiết cho mỗi bài cụ thể, sao cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

II- SÁCH GIÁO KHOA MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 7

2.1. Quan điểm biên soạn

Sách giáo khoa (SGK) *Giáo dục công dân 7* được biên soạn trên cơ sở Chương trình môn Giáo dục công dân lớp 7, cụ thể hoá yêu cầu đạt thành nội dung bài học.

Nội dung các bài học trong SGK được xây dựng dựa trên các căn cứ:

- + Quy định của Chương trình về các chủ đề và yêu cầu cần đạt.

- + Đặc điểm nhận thức của học sinh lớp 7.
- + Thời lượng thực hiện chương trình 1 tiết x 35 tuần = 35 tiết.

SGK *Giáo dục công dân 7* được biên soạn trên cơ sở quán triệt sâu sắc tư tưởng xuyên suốt của bộ SGK Cánh Diều “Mang cuộc sống vào bài học – Đưa bài học vào cuộc sống”. Mọi tri thức trong sách đều được xây dựng từ thực tiễn, kết nối với thực tiễn cuộc sống, khơi dậy ở học sinh (HS) nguồn cảm hứng để tìm tòi khám phá, sáng tạo trong bầu trời tri thức bao la, tạo điều kiện để HS phát triển các phẩm chất và năng lực theo yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông; nội dung sách phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi HS lớp 7, phù hợp với xã hội Việt Nam hiện nay, với đặc điểm và điều kiện kinh tế – xã hội của địa phương, với điều kiện của nhà trường.

SGK *Giáo dục công dân 7* được biên soạn theo hướng mở, tạo điều kiện cho giáo viên (GV) đổi mới phương pháp dạy học, kích thích khả năng tư duy, tìm tòi sáng tạo của HS, góp phần hình thành ở học sinh các phẩm chất và năng lực theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Các bài học trong SGK được thiết kế theo các hoạt động học tập phong phú, đa dạng như: hát, quan sát tranh ảnh, thảo luận, chơi trò chơi, đọc thông tin, xử lý tình huống, nhận xét hành vi, bày tỏ thái độ;... tạo điều kiện cho GV đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, xoá bỏ cách dạy thuyết lí, áp đặt HS; khơi dậy ở HS sự hứng thú, tích cực, chủ động trong học tập.

2.2. Một số điểm mới của sách giáo khoa môn Giáo dục công dân lớp 7

2.2.1. Cấu trúc hệ thống bài học trong sách giáo khoa

Từ 10 chủ đề trong Chương trình môn Giáo dục công dân, SGK *Giáo dục công dân 7* thiết kế thành 12 bài học, thể hiện 4 mạch nội dung của môn Giáo dục công dân ở cấp trung học cơ sở: Giáo dục đạo đức; Giáo dục kĩ năng sống; Giáo dục pháp luật; Giáo dục kinh tế.

CHỦ ĐỀ  **BÀI HỌC**

Tự hào về truyền thống quê hương	1. Tự hào về truyền thống quê hương
Bảo tồn di sản văn hoá	2. Bảo tồn di sản văn hoá
Quan tâm, cảm thông và chia sẻ	3. Quan tâm, cảm thông và chia sẻ
Học tập tự giác, tích cực	4. Học tập tự giác, tích cực
Giữ chữ tín	5. Giữ chữ tín
Quản lí tiền	6. Quản lí tiền
Ứng phó với tâm lí căng thẳng	7. Ứng phó với tâm lí căng thẳng

Phòng, chống bạo lực học đường	8. Bạo lực học đường
	9. Ứng phó với bạo lực học đường
Phòng, chống tệ nạn xã hội	10. Tệ nạn xã hội
	11. Thực hiện phòng, chống tệ nạn xã hội
Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình	12. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình

2.2.2. Về cấu trúc bài học

Mỗi bài học trong SGK đều theo một cấu trúc thống nhất, gồm bốn phần:

Mở đầu: Nhằm kiểm tra những kiến thức, kinh nghiệm đã có của HS về bài Giáo dục công dân sắp học và tạo tâm thế tích cực, không khí thoải mái cho các em chuẩn bị thực hiện các hoạt động học tập bài mới.

Khám phá: HS, dưới sự hướng dẫn của GV, được trải nghiệm để tự khám phá, phát hiện, tự hình thành kiến thức bài học cho mình. Nội dung phần Khám phá gồm các câu chuyện, tình huống, hình ảnh, trường hợp,... để HS quan sát, suy nghĩ, trao đổi, thảo luận, từ đó tự hình thành nên kiến thức bài học.

Luyện tập: Gồm các bài tập tự luận, tình huống,... nhằm củng cố, rèn luyện kiến thức, kỹ năng đã được hình thành trong phần Khám phá, tạo điều kiện cho HS tăng cường rèn luyện, để hình thành, phát triển các năng lực cần thiết theo yêu cầu của mỗi bài học; đồng thời, rèn luyện cho HS các kỹ năng: nhận xét, đánh giá, so sánh,...

Vận dụng: Nhằm tạo điều kiện cho HS thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng bài học vào đời sống thực tiễn ở trong giờ học cũng như ngoài giờ học, thông qua các bài tập yêu cầu vận dụng.

Cấu trúc này tạo điều kiện thuận lợi cho GV thiết kế các hoạt động dạy học; tạo điều kiện cho học sinh được rèn luyện các kỹ năng: quan sát, nhận xét, so sánh, thảo luận và vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn cuộc sống, thông qua các bài tập và yêu cầu luyện tập, vận dụng. Thông qua các hoạt động học tập, HS sẽ hứng thú, tích cực, chủ động trong học tập, làm cho giờ học GDCCD trở nên vui vẻ, sinh động, hấp dẫn.

III- DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 7

3.1. Một số phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân lớp 7

3.1.1. Dạy học khám phá

Dạy học khám phá là cách thức tổ chức dạy học, trong đó HS tự tìm tòi, khám phá phát hiện ra tri thức mới nào đó trong chương trình môn học thông qua các hoạt động dưới sự hướng dẫn, định hướng của GV.

*** Cách tiến hành**

Giai đoạn 1: Chuẩn bị

– Xác định vấn đề cần khám phá: là vấn đề thường chứa đựng thông tin mới đặt dưới dạng câu hỏi hoặc bài tập nhỏ. Vấn đề khám phá cần phải vừa sức với HS.

– Xác định cách thức thu thập dữ liệu cần thiết cho việc đánh giá. Các dữ liệu thu được có thể là những quan sát trực tiếp của HS thông qua các hiện tượng thực tế hoặc các thông tin đọc được trong sách báo, tài liệu hoặc từ chính các trải nghiệm của HS.

– Xác định nội dung vấn đề học tập mà HS cần đạt được qua quá trình khám phá.

– Xác định cách thức báo cáo và đánh giá kết quả của hoạt động khám phá.

Giai đoạn 2: Tổ chức học tập khám phá

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

GV cần đảm bảo HS xác định rõ vấn đề cần khám phá, mục đích của việc khám phá đó cũng như cách thức hoạt động trong quá trình khám phá.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập khám phá

HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm đề xuất các giả thuyết về vấn đề được đặt ra. Tiếp theo, HS tiến hành thu thập các dữ liệu, thông tin thông qua các hoạt động khảo sát và xử lý các dữ liệu để kiểm chứng giả thuyết đã đặt ra. HS có thể làm việc với các phiếu học tập, các mô hình, hình ảnh, biểu đồ,... Sau đó HS trao đổi, thảo luận về tính đúng đắn của các giả thuyết được đưa ra.

Bước 3. Trình bày và đánh giá kết quả của hoạt động

GV tổ chức cho HS trình bày kết quả của hoạt động khám phá. Từ đó, GV hướng dẫn HS lựa chọn những phán đoán, kết luận đúng để hình thành kiến thức mới.

*** Một số yêu cầu khi sử dụng phương pháp dạy học khám phá**

– GV phải hiểu khả năng của từng HS, từ đó có cách hướng dẫn phù hợp, giúp HS hiểu chính xác nhiệm vụ của mình trong từng hoạt động khám phá.

– GV chuẩn bị các câu hỏi gợi mở từng bước, giúp HS tự lực đi tới mục tiêu của hoạt động. Lưu ý những biểu hiện của HS có khả năng khám phá học tập như: Hiểu các thông tin mới, có kỹ năng so sánh, phân tích, tổng hợp, huy động kiến thức và phương pháp giải quyết vấn đề bằng nhiều cách khác nhau. Ngoài ra còn chú ý tới thái độ chủ động tích cực trong việc tiếp cận và giải quyết tình huống và vấn đề mới, phức tạp.

*** Ví dụ minh họa**

Để HS nêu được các tình huống gây căng thẳng, biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng (Bài 7 – SGK lớp 7), GV sử dụng phương pháp dạy học khám phá như sau:

Giai đoạn 1:

- Xác định vấn đề cần khám phá với các giả thiết:
 - + *Tình huống gây căng thẳng có thể do việc học tập không theo mong muốn, có thể do sức khoẻ yếu, bạn bè xa lánh, bố mẹ không hiểu mình.*
 - + *Khi bị căng thẳng cơ thể sẽ có các biểu hiện về thể chất (mệt mỏi, chán ăn,...), tinh thần (chán nản, lơ đãng, lo âu, sợ hãi,...), hành động (khóc, cáu kỉnh, bỏ ăn,...).*
- Xác định cách thu thập dữ liệu: Tìm hình ảnh, thông tin, số liệu trong sách, báo, tài liệu, mạng internet,... có liên quan đến các giả thiết.
- Xác định cách báo cáo: cá nhân và nhóm.

Giai đoạn 2:

- GV giao nhiệm vụ: Đọc tài liệu, sách hoặc quan sát tranh, hình và trả lời câu hỏi:
 - + *Tình huống nào trong số các tình huống quan sát được gây căng thẳng?*
 - + *Chỉ ra những biểu hiện của căng thẳng trong từng tình huống tìm được.*
 - + *Kể thêm những tình huống gây căng thẳng mà em biết và mô tả biểu hiện.*
- HS làm việc cá nhân thu thập các dữ liệu, thông tin để kiểm chứng các giả thiết đã đặt ra, thảo luận theo nhóm về tính đúng đắn của giả thiết và sự đáp ứng của dữ liệu đã tìm được.
- GV tổ chức cho HS trình bày kết quả, hướng dẫn HS lựa chọn những phán đoán, kết luận đúng để hình thành kiến thức:
 - + Về các tình huống gây căng thẳng: *kết quả học tập, thi cử không như mong muốn; bị bạn bè xa lánh; bị bố mẹ áp đặt, ngăn cấm; bị ốm đau, bệnh tật, tai nạn;...*
 - + Biểu hiện khi căng thẳng: *cơ thể mệt mỏi; luôn cảm thấy chán nản, thiếu tập trung; hay lo lắng, buồn bực; dễ cáu gắt, tức giận; không muốn tiếp xúc với mọi người, thích ở một mình.*

3.1.2. Dạy học hợp tác

Dạy học hợp tác là dạy học trong đó GV tổ chức cho HS hình thành các nhóm hợp tác, cùng nhau nghiên cứu, trao đổi ý tưởng và giải quyết vấn đề do GV đặt ra. Từ đó giúp HS tiếp thu một lượng kiến thức nhất định dựa trên cơ sở hoạt động tích cực của từng cá nhân. Từng thành viên của nhóm không chỉ có trách nhiệm về việc học tập của mình mà còn có trách nhiệm quan tâm đến việc học tập của bạn bè trong nhóm.

* **Cách tiến hành**

Giai đoạn 1: Chuẩn bị

- Xác định tiêu chí thành lập nhóm: theo trình độ của HS, theo ngẫu nhiên, theo sở trường của HS,...

– Thiết kế các hoạt động kết hợp cá nhân, theo cặp, theo nhóm để thay đổi hoạt động tạo hứng thú và nâng cao kết quả học tập của HS.

– Xác định thời gian phù hợp cho hoạt động nhóm để thực hiện có hiệu quả.

– Thiết kế các phiếu/hình thức giao nhiệm vụ tạo điều kiện cho HS dễ dàng hiểu rõ nhiệm vụ và thể hiện rõ kết quả hoạt động của cá nhân hoặc của cả nhóm.

Giai đoạn 2: Tổ chức dạy học hợp tác

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

GV tổ chức cho toàn lớp với các hoạt động chính như giới thiệu chủ đề; thành lập các nhóm làm việc; xác định nhiệm vụ của các nhóm; xác định và giải thích nhiệm vụ cụ thể của các nhóm; xác định rõ mục tiêu cụ thể cần đạt được. Nhiệm vụ của các nhóm có thể giống nhau hoặc khác nhau.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập có sự hợp tác

Các nhóm tự lực thực hiện nhiệm vụ được giao, trong đó có hoạt động chính là chuẩn bị chỗ làm việc nhóm; lập kế hoạch làm việc; thỏa thuận về quy tắc làm việc; tiến hành giải quyết nhiệm vụ; chuẩn bị báo cáo kết quả trước lớp; xác định nội dung, cách trình bày kết quả.

Bước 3. Trình bày và đánh giá kết quả của hoạt động hợp tác

Đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp (trình bày miệng hoặc trình bày với báo cáo kèm theo hoặc trình bày có minh họa). GV hướng dẫn HS lắng nghe và phản hồi tích cực. Kết quả trình bày của các nhóm được chia sẻ với các nhóm khác, để góp ý và là cơ sở để triển khai các nhiệm vụ tiếp theo.

*** Một số yêu cầu khi sử dụng phương pháp dạy học hợp tác**

– Chủ đề có hợp với dạy học hợp tác theo nhóm không?

– Các nhóm làm việc với nhiệm vụ giống hay khác nhau?

– Học sinh đã có đủ kiến thức điều kiện cho công việc nhóm chưa?

– Cần trình bày nhiệm vụ làm việc nhóm như thế nào?

– Cần chia nhóm theo tiêu chí nào?

– Quy định rõ thời gian thảo luận và thời gian trình bày sản phẩm của mỗi nhóm.

– Trong khi các nhóm thảo luận, GV chủ động quan sát, động viên, khích lệ, hướng HS tập trung thảo luận vào chủ đề đã được phân công.

– Trong giờ học hợp tác, giáo viên dẫn dắt học sinh khám phá, lĩnh hội kiến thức qua từng bước. Các nhóm học sinh thực hiện nhiệm vụ của mình, qua đó có thể rút ra các tri thức, kiến thức cần thiết cho mình.

*** Ví dụ minh họa**

Đề HS phân biệt được biểu hiện giữ chữ tín và không giữ chữ tín (Bài 5 – SGK lớp 7), GV sử dụng phương pháp dạy học hợp tác như sau:

Giai đoạn 1:

- Xác định tiêu chí thành lập nhóm: theo sở trường của HS.
- Thiết kế các hoạt động: Cá nhân kết hợp hợp tác nhóm.
- Xác định thời gian phù hợp: 20 phút.

Giai đoạn 2:

Bước 1: yêu cầu HS mở SGK (trang 25) chia lớp thành các nhóm (4 hoặc 6 nhóm) và giao nhiệm vụ cho HS như sau:

+ *Cá nhân: Tự quan sát 4 hình và đọc các bóng nói kèm theo hình (SGK trang 25), liên kết hình ảnh và các thông tin trong bóng nói để viết một câu chuyện về chữ tín.*

+ *Làm việc theo nhóm: Từng thành viên chia sẻ câu chuyện của mình, nhóm thảo luận và chọn một câu chuyện hay nhất để đại diện cho nhóm chia sẻ trước lớp (nhóm có thể góp ý, bổ sung tình tiết, nội dung).*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: Viết câu chuyện vào vở/nháp (hoặc A4) và chia sẻ câu chuyện trong nhóm. Mỗi nhóm chọn câu chuyện hay nhất để chia sẻ trước lớp.

Bước 3: HS các nhóm lần lượt kể chuyện câu chuyện của nhóm mình. Những HS khác ghi tóm tắt lại nội dung chuyện và đưa ra nhận xét về những biểu hiện giữ chữ tín và không giữ chữ tín trong câu chuyện (tập trung trao đổi biểu hiện nào trong câu chuyện vừa kể là giữ chữ tín, biểu hiện nào không giữ chữ tín? Sự khác nhau giữa 2 hành vi này?).

GV dựa vào sản phẩm và những trao đổi, lập luận của HS để nhận xét, đánh giá và hướng dẫn HS rút ra kết luận: *Biểu hiện của giữ chữ tín: thực hiện lời hứa; nói đi đôi với làm; đúng hẹn; hoàn thành nhiệm vụ được giao; giữ được niềm tin với người khác.*

3.1.3. Dạy học giải quyết vấn đề

Dạy học giải quyết vấn đề không phải là phương pháp dạy học (PPDH) riêng biệt mà là một tập hợp nhiều PPDH liên kết chặt chẽ và tương tác với nhau, trong đó việc đặt ra và hướng dẫn HS giải quyết vấn đề trong tình huống giữ vai trò trung tâm, gắn bó các PPDH khác.

Trong dạy học giải quyết vấn đề, HS được đặt trong một tình huống có vấn đề, thông qua việc giải quyết vấn đề đó giúp HS lĩnh hội tri thức, kỹ năng và phương pháp nhận thức. Tình huống có vấn đề sẽ xuất hiện khi một cá nhân đứng trước một nhiệm vụ, vấn đề cần giải quyết và bản thân chưa biết bằng cách nào, chưa đủ phương tiện (tri

thức, kĩ năng,...) để tự giải quyết nhưng có mong muốn giải quyết được nhiệm vụ, vấn đề này.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: Nhận biết vấn đề

GV đưa người học vào tình huống có vấn đề hoặc GV có thể gợi ý người học tự tạo ra tình huống có vấn đề. Phát biểu vấn đề dưới dạng “mâu thuẫn nhận thức”, đó là mâu thuẫn giữa những cái đã biết với những cái chưa biết và HS muốn tìm tòi để giải quyết vấn đề mâu thuẫn đó.

Bước 2: Lập kế hoạch giải quyết vấn đề

HS đề xuất giả thuyết giải quyết vấn đề, đưa ra các phương án và lập kế hoạch để giải quyết vấn đề theo giả thuyết đã đặt ra.

Bước 3: Thực hiện kế hoạch

Thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề. Đánh giá việc thực hiện giả thuyết đặt ra đã đúng chưa, nếu đúng thì chuyển sang bước tiếp theo, nếu như chưa đúng thì quay trở lại bước 2 để chọn giả thuyết khác.

Bước 4: Kiểm tra, đánh giá và kết luận

GV tổ chức cho HS rút ra kết luận về cách giải quyết vấn đề trong tình huống đã được đặt ra, từ đó HS lĩnh hội được tri thức, kĩ năng của bài học hoặc vận dụng được những kiến thức, kĩ năng trong môn học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

*** Một số yêu cầu khi sử dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề**

– Lựa chọn các mức độ cho phù hợp với trình độ nhận thức của HS và nội dung cụ thể của mỗi bài học. Mức độ tham gia của HS càng nhiều thì HS sẽ càng tích cực, tuy nhiên đòi hỏi trình độ năng lực của HS càng cao.

– GV nêu và giải quyết vấn đề.

– GV nêu vấn đề và cho HS tham gia giải quyết vấn đề.

– GV nêu vấn đề và gợi ý HS tìm cách giải quyết vấn đề.

– GV cung cấp thông tin cho HS, tạo tình huống để HS phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề.

– HS tự phát hiện vấn đề, tự lựa giải quyết và tự đánh giá.

*** Ví dụ minh họa**

Đề HS thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội (Bài 11 – SGK lớp 7), GV sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề như sau:

Bước 1: GV đưa người học vào tình huống có vấn đề bằng câu lệnh: Đọc tình huống và xác định vấn đề cần giải quyết:

– Tình huống: *X và M chơi thân với nhau. Gần nhà X có một địa điểm đánh bài ăn tiền, do tò mò, X đã rủ M đến chơi thử. Tuy nhiên, M từ chối và khuyên bạn: Cậu biết không, đánh bài ăn tiền là vi phạm pháp luật đấy.*

– Câu hỏi thảo luận:

- + *Phân tích hành vi của các nhân vật trong tình huống.*
- + *Loại tệ nạn xã hội nào được nhắc đến trong tình huống.*
- + *Hành vi của ai là thực hiện pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội, hành vi của ai chưa thực hiện?*
- + *Hành vi nào trong tình huống sẽ bị xử lý ? Pháp luật quy định như thế nào về việc xử lý những hành vi đó?*
- + *Suy nghĩ và hành động của M là đúng hay sai? Em có ý kiến như thế nào về lời khuyên của bạn M?*

GV yêu cầu một số HS trình bày từ đó xác định và đề cần giải quyết: *Phân tích đánh giá việc thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.*

Bước 2: Lập kế hoạch giải quyết vấn đề

- GV yêu cầu HS thảo luận để đề xuất giả thuyết, gợi ý về những dấu hiệu xác định tệ nạn xã hội và những yếu tố cấu thành tội này.
- HS thảo luận, đề xuất phương án và lập kế hoạch giải quyết vấn đề theo các giả thuyết đặt ra.

Bước 3 : Thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề

HS thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề. Đánh giá việc thực hiện giả thuyết đặt ra đã đúng chưa. Ở tình huống này, giả thiết đưa ra là đúng.

- + *Đánh bạc là tệ nạn xã hội, hành vi đánh bạc là trái pháp luật.*
- + *Thái độ phản đối, không hành động theo và lời khuyên của M đối với X cho thấy M là người thực hiện và biết vận động người khác thực hiện quy định của pháp luật về phòng chống, tệ nạn xã hội.*

Bước 4: Kết luận vấn đề

Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng chống, tệ nạn xã hội được biểu hiện ở suy nghĩ, hành động, việc làm tự giác, tích cực thực hiện và vận động người khác cùng thực hiện.

3.1.4. Dạy học dự án

Dạy học dự án là phương pháp dạy học, trong đó HS thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có

thể giới thiệu. Nhiệm vụ này được HS thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học.

*** Cách tiến hành**

Giai đoạn 1: Chuẩn bị dự án

Đề xuất ý tưởng và chọn đề tài: Đề tài dự án có thể nảy sinh từ sáng kiến của GV, HS hoặc của nhóm HS. HS là người quyết định lựa chọn đề tài, nhưng phải đảm bảo nội dung phù hợp với mục đích học tập, phù hợp chương trình và điều kiện thực tế. Để thực hiện dự án, HS phải đóng những vai có thực trong xã hội để tự mình tìm kiếm thông tin và giải quyết công việc.

Chia nhóm và nhận nhiệm vụ: GV chia nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm HS và những yếu tố khác liên quan đến dự án. Trong công việc này, GV là người đề xướng nhưng cũng cần tạo điều kiện cho HS tự chọn nhóm làm việc.

Lập kế hoạch: GV hướng dẫn các nhóm HS lập kế hoạch thực hiện dự án, trong đó HS cần xác định chính xác chủ đề, mục tiêu, những công việc cần làm, kinh phí, thời gian và phương pháp thực hiện. Ở giai đoạn này, đòi hỏi ở HS tính tự lực và tính cộng tác để xây dựng kế hoạch của nhóm. Sản phẩm tạo ra ở giai đoạn này là bản kế hoạch dự án.

Giai đoạn 2: Thực hiện dự án

Giai đoạn này, với sự giúp đỡ của GV, HS tập trung vào việc thực hiện nhiệm vụ được giao với các hoạt động: như đề xuất các phương án giải quyết và kiểm tra, nghiên cứu tài liệu, tiến hành các thí nghiệm, trao đổi và hợp tác với các thành viên trong nhóm. Trong dự án, GV cần tôn trọng kế hoạch đã xây dựng của các nhóm, cần tạo điều kiện cho HS trao đổi, thu thập tài liệu, tìm kiếm thông tin, cùng nhau đánh giá công việc, chỉnh sửa để đạt được mục tiêu.

Giai đoạn 3: Báo cáo và đánh giá dự án

HS thu thập kết quả, công bố sản phẩm trước lớp. Sau đó, GV và HS tiến hành đánh giá. HS có thể tự nhận xét quá trình thực hiện dự án và tự đánh giá sản phẩm nhóm mình và đánh giá nhóm khác. GV đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện dự án của HS, đánh giá sản phẩm và rút kinh nghiệm để thực hiện những dự án tiếp theo.

*** Ví dụ minh họa**

Để HS bước đầu biết quản lý tiền và tạo nguồn thu nhập cá nhân (Bài 6 – SGK lớp 7), GV vận dụng phương pháp dạy học dự án để hướng dẫn HS học tập như sau:

Giai đoạn 1:

– Hướng dẫn HS lựa chọn đề tài theo chủ đề: *Làm đồ dùng học tập từ vật liệu có thể tái chế để tiết kiệm tiền mua đồ dùng học tập và bảo vệ môi trường.*

- HS tạo nhóm dựa trên loại đồ dùng sẽ thiết kế hoặc loại vật liệu sẽ tái chế.
- Các nhóm thảo luận, trao đổi để lập kế hoạch thực hiện dự án, trong đó HS cần xác định chính xác mục tiêu, những công việc cần làm, kinh phí, thời gian và phương pháp thực hiện. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên. Sản phẩm tạo ra ở giai đoạn này là bản kế hoạch dự án.

Giai đoạn 2:

- HS thực hiện dự án theo kế hoạch đã lập với những nhiệm vụ cụ thể sau:
 - + Mỗi nhóm làm ít nhất một đồ dùng học tập từ vật liệu có thể tái chế
 - + Ghi hình quá trình thực hiện.
 - + Viết bài thuyết trình về giới thiệu về sản phẩm và ý nghĩa của sản phẩm gắn với quản lý tiền hiệu quả đồng thời góp phần tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường.
 - + Thống nhất cách giới thiệu sản phẩm.
- HS cùng nhau tạo sản phẩm đánh giá công việc, chỉnh sửa để đạt mục tiêu.

Giai đoạn 3:

- GV tổ chức cho HS bình chọn ra những sản phẩm sáng tạo, có tính ứng dụng cao và ấn tượng, có thuyết trình hay và thông điệp ý nghĩa (tiêu chí bình chọn tập trung vào mẫu mã, hình thức của sản phẩm, giá trị/tính năng của sản phẩm, tác dụng đối với quản lý tiền và bảo vệ tài nguyên, môi trường,...).
- GV tổ chức cho HS thực hiện hoạt động “đấu giá” hoặc “hãy chọn giá đúng” đối với những sản phẩm được bình chọn. (hướng đến mục tiêu tạo nguồn thu nhập).
- Sau hoạt động này, HS có thể tự nhận xét quá trình thực hiện dự án và tự đánh giá sản phẩm nhóm mình và đánh giá nhóm khác. GV đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện dự án của HS, đánh giá sản phẩm và rút kinh nghiệm để thực hiện những dự án tiếp theo.

3.1.5. Xử lý tình huống

Xử lý tình huống là phương pháp dạy học, trong đó GV tổ chức cho HS xem xét, phân tích những vấn đề/tình huống cụ thể thường gặp phải trong đời sống thực tiễn và xác định cách giải quyết, xử lý vấn đề/tình huống đó một cách có hiệu quả, phù hợp với các chuẩn mực đạo đức, pháp luật trong thực tiễn.

* *Cách tiến hành*

Bước 1: GV nêu tình huống và hướng dẫn HS nhận dạng, xác định tình huống (Tình huống xảy ra ở đâu? Tình huống xảy ra khi nào? Xảy ra với ai? Vấn đề cần giải quyết là gì?)

Bước 2: GV giao nhiệm vụ xử lý tình huống cho HS/nhóm HS và hướng dẫn HS/nhóm HS các bước để xử lý tình huống:

- Thu thập thông tin có liên quan đến tình huống đặt ra; liệt kê/phán đoán các cách giải quyết có thể có.

Phân tích, đánh giá kết quả mỗi cách giải quyết; so sánh kết quả các cách giải quyết.

Lựa chọn cách giải quyết tối ưu nhất.

Bước 3: HS/nhóm HS làm việc, nêu các cách xử lý tình huống và lựa chọn cách xử lý tình huống phù hợp.

Bước 4: GV tổng kết các ý kiến của HS và định hướng cho các em cách giải quyết, xử lý tình huống phù hợp với chuẩn mực pháp luật và đạo đức xã hội.

*** Một số yêu cầu khi thực hiện phương pháp xử lý tình huống**

– Tình huống phải phù hợp với chủ đề bài học GDĐD.

– Phù hợp với trình độ nhận thức và gần gũi với cuộc sống thực của HS lớp 7.

– Tình huống phải chứa đựng những mâu thuẫn cần giải quyết, gợi ra cho HS nhiều hướng suy nghĩ, nhiều cách giải quyết vấn đề.

– GV có thể tổ chức cho các nhóm HS xử lý, giải quyết cùng một tình huống hoặc các tình huống khác nhau, tùy theo mục đích của hoạt động.

– GV có thể sử dụng kỹ thuật động não để HS cả lớp liệt kê các phương án giải quyết có thể xảy ra, trước khi giao nhiệm vụ cho HS/nhóm HS xử lý, lựa chọn phương án giải quyết tối ưu.

– Cách giải quyết tối ưu đối với mỗi HS/nhóm HS có thể giống hoặc khác nhau, tùy thuộc vào hoàn cảnh, cảm xúc và giá trị của các em.

*** Ví dụ minh họa**

Để HS xác định được nguyên nhân và hậu quả của bạo lực học đường (Bài 8 – SGK lớp 7), GV vận dụng phương pháp xử lý tình huống để hướng dẫn HS học tập như sau:

Bước 1:

– GV nêu tình huống (Bài 8 – SGK trang 67): *K và C đều là học sinh lớp 7A. Do xích mích với nhau trên mạng xã hội, K đã hẹn gặp C để giải quyết mâu thuẫn. Tuy nhiên, khi gặp nhau, hai bạn đã xảy ra xô xát.*

– GV hướng dẫn HS nhận dạng, phân tích tình huống:

+ Vì là tình huống gần với HS lớp 7 do đó tình huống này có thể xảy ra ở trong trường hoặc ngoài nhà trường.

+ Tình huống xảy giữa hai học sinh K và C.

+ Vấn đề cần xử lý: Ai là người bị bạo lực học đường? Nguyên nhân vì sao và hậu quả như thế nào?

Bước 2:

– GV hướng dẫn HS thu thập thông tin có liên quan:

+ Nếu việc hện nhau để giải quyết mâu thuẫn dẫn đến xô sát, xô sát giữa K và C nếu gây tổn thất về thể chất cho ai thì người bị bạo lực sẽ là người bị tổn thất.

+ Việc xích mích trên mạng giữa K và C nếu đến mức sử dụng hình ảnh, thông tin của nhau để uy hiếp, đe dọa hoặc lăng mạ, bôi nhọ nhau thì người nào bị tổn thương cả về thể chất và tinh thần do những hành vi đó sẽ là người bị bạo lực học đường.

– GV hướng dẫn HS liệt kê/phân đoán các cách giải quyết có thể có:

+ Có thể K hoặc C là người bị bạo lực học đường hoặc cả hai đều bị.

+ Có thể là bạo lực thể chất và bạo lực trực tuyến.

+ Có thể không xảy ra bạo lực học đường trong tình huống nếu xích mích giữa hai người chỉ đơn giản, không gây tổn hại về thể chất và tinh thần, xô sát giữa hai người chỉ là va chạm nhẹ không gây tổn thất.

– GV hướng dẫn HS phân tích, đánh giá kết quả mỗi cách giải quyết:

+ Nếu xô sát giữa K và C dẫn đến sự tổn hại về thể chất cho một trong hai người hoặc cả hai thì xích mích trên mạng là nguyên nhân dẫn đến bạo lực học đường (bạo lực về thể chất).

+ Nếu xích mích giữa K và C dẫn đến sự tổn hại về tinh thần, về danh dự, uy tín,... cho một trong hai người hoặc cả hai thì đây là bạo lực trực tuyến.

Bước 3: GV hướng dẫn HS các nhóm làm việc, nêu các cách và lập luận của mình để chứng minh cho phán đoán, giả thiết. GV có thể sử dụng phương pháp đóng vai để hỗ trợ cho phương pháp xử lý tình huống khi dạy học nội dung này.

Bước 4: GV tổng kết xác định cách xử lý tình huống phù hợp với chuẩn mực pháp luật và đạo đức xã hội.

3.1.6. Đóng vai

Dạy học thông qua đóng vai là phương pháp tổ chức cho HS thực hành, “làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Đây là phương pháp nhằm giúp HS suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự việc cụ thể mà các em vừa thực hiện hoặc quan sát được.

*** Cách tiến hành**

Bước 1: GV nêu chủ đề, chia nhóm và nêu tình huống, giao nhiệm vụ đóng vai cho từng nhóm. Mỗi tình huống có thể phân công một hoặc một vài nhóm cùng đóng vai. GV cần quy định rõ thời gian chuẩn bị và thời gian đóng vai của mỗi nhóm.

Bước 2: Các nhóm thảo luận, xây dựng kịch bản và phân công đóng vai. Trong khi HS thảo luận và chuẩn bị đóng vai, GV nên đi đến từng nhóm lắng nghe và gợi ý, giúp đỡ HS khi cần thiết.

Bước 3: Thực hành đóng vai (Các nhóm đóng vai theo kịch bản).

Bước 4: Thảo luận lớp, nhận xét về cách ứng xử, cách thể hiện của các vai diễn.

GV kết luận, định hướng cho HS cách ứng xử tích cực trong tình huống đã đóng vai.

*** Các yêu cầu khi sử dụng phương pháp pháp đóng vai**

– Tình huống đóng vai phải phù hợp với chủ đề bài học đạo đức, phù hợp với lứa tuổi, trình độ HS lớp 7 và điều kiện, hoàn cảnh lớp học. Tình huống không nên quá dài và phức tạp. Tình huống phải có nhiều cách giải quyết. Tình huống cần để mở để HS tự tìm cách giải quyết, cách ứng xử phù hợp; không cho trước “kịch bản”, lời thoại.

– Phải dành thời gian phù hợp, đủ cho HS thảo luận xây dựng kịch bản và chuẩn bị đóng vai.

– Các vai diễn nên để HS xung phong hoặc tự phân công nhau đảm nhận. Nên khích lệ cả những HS nhút nhát cùng tham gia.

– Nên có hoá trang và đạo cụ đơn giản để tăng tính hấp dẫn của hoạt động đóng vai.

*** Ví dụ minh họa**

Để HS thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống quê hương (Bài 1 – SGK lớp 7), GV vận dụng phương pháp đóng vai để hướng dẫn HS học tập:

Bước 1: GV nêu tình huống: *Qua lời kể của ông nội, S được biết đến phong trào “Ba sẵn sàng” và rất tự hào về tinh thần sẵn sàng khi Tổ quốc cần, dù trong thời chiến hay thời bình của người dân quê hương mình. Nhưng mấy hôm trước, anh trai của S nhận được lệnh gọi nhập ngũ, S thấy anh có vẻ do dự, tâm trạng nặng nề không vui. S rất muốn nói những suy nghĩ của mình với anh trai.*

a) *Em hãy nhận xét suy nghĩ của S.*

b) *Nếu là S, em sẽ nói như thế nào với anh trai của mình?*

– GV giao nhiệm vụ cho HS như nội dung sau: Dựa tình huống hãy xây dựng kịch bản và thực hành đóng vai theo cặp để rèn luyện các cách giữ gìn truyền thống.

Bước 2: HS dựa vào phần phân tích tình huống, dự kiến cách thể hiện (lời nói, hành động) khi thực hành đóng vai.

Bước 3: HS thực hành đóng vai theo phương thức: HS 1 vào vai người khuyên ⇔ HS 2 trả lời; đổi vai HS 2 vai người khuyên ⇔ HS1 trả lời.

Bước 4: Thảo luận lớp, nhận xét về cách ứng xử, cách thể hiện của các vai diễn.

– GV tổ chức cho HS chia sẻ cảm nhận sau đóng vai. Nhận xét và bình chọn cặp đôi đóng vai hay, có cách ứng xử tích cực trong tình huống đã đóng vai.

– GV hướng dẫn HS kết luận: *HS cần tôn trọng, học hỏi những người biết tự hào, giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương. Cùng bạn chăm chỉ học tập, điều chỉnh hành vi cá nhân, tích cực tham gia các hoạt động góp phần giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương, quảng bá, giới thiệu về quê hương và truyền thống tốt đẹp của quê hương mình. kiên quyết phê phán những thái độ, hành vi, việc làm đi ngược lại truyền thống tốt đẹp của quê hương, cần tuyên truyền để mọi người hiểu được điều này.*

3.2. Các kiểu bài học môn Giáo dục công dân lớp 7

SGK *Giáo dục công dân 7* gồm bốn kiểu bài học, đó là bài học giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục pháp luật và giáo dục kinh tế. Trong SGK *Giáo dục công dân 7* thuộc bộ sách Cánh Diều, các bài học được phân chia cụ thể như trong bảng dưới đây:

Các bài học về giáo dục đạo đức:
Bài 1. Tự hào về truyền thống quê hương
Bài 2. Bảo tồn di sản văn hoá
Bài 3. Quan tâm, cảm thông và chia sẻ
Bài 4. Học tập tích cực, tự giác
Bài 5. Giữ chữ tín
Bài học về giáo dục kinh tế:
Bài 6. Quản lý tiền
Các bài học về giáo dục kỹ năng sống:
Bài 7. Ứng phó với tâm lý căng thẳng
Bài 8. Bạo lực học đường
Bài 9. Ứng phó với bạo lực học đường
Các bài học về giáo dục pháp luật:
Bài 10. Tội nạn xã hội
Bài 11. Thực hiện phòng chống tội nạn xã hội
Bài 12. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình

Cấu trúc mỗi bài học đều gồm 4 phần học tập: *Mở đầu, Khám phá, Luyện tập, Vận dụng*.

Khi thực hiện dạy học các bài học trong SGK *Giáo dục công dân 7*, GV cần bám theo các yêu cầu cần đạt để không bị đi lệch trọng tâm của giờ học. Các yêu cầu cần đạt này đã được các tác giả viết sách cụ thể hoá trong việc thiết kế nội dung và hoạt động dạy học. Mặc dù có sự giống nhau về cấu trúc bài học và cùng bám theo định hướng phát triển năng lực HS, với mỗi kiểu bài học vẫn cần có cách tiếp cận vấn đề, cách dạy, cách học đặc trưng.

3.3. Cách dạy học

Cách dạy học *Giáo dục công dân 7* cần đáp ứng được đặc trưng của dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh, khác với cách dạy học tập trung vào nội dung kiến thức. Sự khác biệt trong cách dạy học được thể hiện qua bảng dưới đây:

Dạy học theo tiếp cận nội dung	Dạy học theo tiếp cận năng lực
1. Coi trọng kiến thức	1. Coi trọng kỹ năng, thái độ
2. Coi trọng hoạt động ghi nhớ và tái hiện	2. Coi trọng hoạt động trải nghiệm, tìm tòi và khám phá
3. Coi trọng hiểu biết bề mặt	3. Coi trọng hiểu biết sâu
4. Coi trọng hoạt động tiếp thu, đồng nhất ý kiến	4. Coi trọng hoạt động thảo luận, tranh luận, phản biện, ý kiến riêng
5. Bài học được thiết kế dựa vào cấu trúc của nội dung học (Học cái gì?)	5. Bài học được thiết kế dựa vào cấu trúc của hoạt động học (Học thế nào?)
6. Lớp học tĩnh và học bị động	6. Lớp học động và học sinh năng động

3.3.1. Cách dạy học các bài giáo dục đạo đức

Với các bài học giáo dục đạo đức, các giá trị đạo đức như: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm là những giá trị cốt lõi để các tác giả xây dựng lên các hoạt động học.

Để việc dạy học các bài học này được hiệu quả, GV chú trọng việc khai thác các câu chuyện, thông tin, tình huống thực tiễn gần gũi với HS trung học cơ sở, tiêu biểu, điển hình để giáo dục cho HS giá trị đạo đức của bài học thông qua các hoạt động tương tác, giao tiếp đa chiều.

Ví dụ: Để dạy cho HS biết giữ chữ tín, việc sử dụng câu chuyện về bạn Nam “Đội mưa trả sách” là phù hợp, giúp HS sau khi đọc, trao đổi thảo luận sẽ không khó để

hiểu được thế nào lời hứa, giữ chữ tín có phải là giữ lời hứa hay không, giữ chữ tín sẽ đem lại điều gì cho mỗi người?...

Trong quá trình tổ chức trên lớp, GV cần giúp HS khai thác nội dung thông tin, tìm ra những từ ngữ, nội dung nói về giữ chữ tín, từng bước đi đến nội dung bài học được gửi gắm trong thông tin.

Các câu hỏi GV có thể thiết kế cho HS trả lời khi khai thác thông tin là:

- *Tại sao mưa như vậy Nam không để lùi lại hôm sau mới đi trả sách?*
- *Từ câu chuyện trên, em hãy cho biết người giữ chữ tín là người như thế nào?*
- *Theo em, việc giữ chữ tín có ý nghĩa như thế nào với mỗi người?*

SGK đã cung cấp khá phong phú các tình huống điển hình để giúp GV dạy cho HS các giá trị đạo đức. Trong quá trình khai thác tình huống, GV nên đi theo một quy trình của quá trình nhận thức: từ những trường hợp cụ thể (riêng) để đến những giá trị tổng thể (chung); từ thông tin, tình huống trong SGK để đến với đời sống thực tế của HS qua các hoạt động liên hệ. Bằng cách đó, GV giúp HS có thể kết nối cuộc sống với bài học, đưa bài học vào cuộc sống một cách thật tự nhiên.

Cần quan tâm việc phát triển thái độ, cảm xúc và hành vi cho HS, gắn liền với giá trị đạo đức nào đó. Do đó, với kiểu bài học này, GV cần khuyến khích HS bày tỏ ý kiến, thái độ và liên hệ đến cuộc sống thực của mình.

3.3.2. Cách dạy học các bài giáo dục kỹ năng sống

Khác với kiểu bài học giáo dục đạo đức vốn tập trung vào việc phát triển các giá trị đạo đức và thái độ sống phù hợp với HS, bài học giáo dục kỹ năng sống lại thiên về tính thực hành – một đặc trưng của các bài học giáo dục kỹ năng sống. Khi dạy các bài học kiểu này, GV cần thiết kế, tổ chức nhiều hoạt động thực hành gắn gũi với các việc làm của HS khi ở nhà, ở trường để các em có cơ hội được rèn luyện và phát triển, từ đó dần dần tạo nên những kỹ năng và thói quen sống tích cực.

Ví dụ: Ở bài 7, để giáo dục kỹ năng ứng phó với tâm lý căng thẳng, các tác giả đã xây dựng các tình huống, hình ảnh để HS có thể nhận biết, quan sát, mô tả, ghi nhớ và xác định cách ứng phó. Chẳng hạn như: hoạt động quan sát hình ảnh, đọc thông tin, thảo luận về các tình huống gây căng thẳng và cách ứng phó. Tất cả những hoạt động đó là những ngữ liệu để GV tổ chức thành các hoạt động cho HS hồi tưởng, thực hành ngay tại lớp, sẽ giúp cho giờ học “động” hơn, chất “kỹ năng sống” nhiều hơn, khác với các giờ học “tĩnh” truyền thống.

3.3.3. Cách dạy học các bài về giáo dục pháp luật

Để việc dạy học các bài học về giáo dục pháp luật được hiệu quả, GV cần tăng cường khai thác các thông tin, tình huống pháp luật (giả định hoặc có thật), đa dạng, gần

gửi với HS trung học cơ sở, tiêu biểu, điển hình, kết hợp với việc cho HS tìm hiểu các điều luật cụ thể,... để giáo dục cho HS về các chuẩn mực pháp luật được đặt ra trong yêu cầu của bài học, thông qua các hoạt động trao đổi, thảo luận theo nhóm, theo lớp.

Ví dụ: Khi dạy bài 12 “Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình”, GV có thể tổ chức cho HS quan sát hình ảnh, đọc thông tin để hình thành khái niệm gia đình và vai trò của gia đình đối với mỗi người. Trên cơ sở kết nối với một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 để HS nhận biết được quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình. Cùng với việc đọc thông tin, tìm hiểu các điều khoản của luật, GV cần tăng cường sử dụng tình huống trong các hoạt động học tập. Các tình huống phải gần gũi thực tiễn, gần với lứa tuổi và nhận thức của HS để thay đổi không khí lớp học, tránh việc chỉ trao đổi các điều luật một cách nhàm chán.

3.3.4. Cách dạy học các bài về giáo dục kinh tế

Với bài học giáo dục kinh tế, là dạng bài tập trung giúp HS có ý thức và biết tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với chuẩn mực đạo đức, quy định của pháp luật, GV nên lựa chọn thông tin, số liệu, hoạt động gần gũi với các hoạt động sản xuất, tiêu dùng trong đời sống thông qua các hoạt động cá nhân, cặp, nhóm phù hợp.

Ví dụ: Để dạy HS viết cách quản lý tiền (Bài 6), GV có thể sử dụng các biểu đồ mô tả các khoản chi tiêu để gợi ý cho học sinh các quản lý những khoản chi tiêu đó. Hoặc muốn HS biết vì sao phải quản lý tiền và khi quản lý tiền thì cần tuân thủ những nguyên tắc nào, GV có thể sử dụng hình ảnh, lời thoại gần gũi với đời sống của HS như “tiết kiệm trước, chi tiêu tính sau; chỉ chi tiêu những gì cần thiết; mua hết những gì mình muốn,...” để đặt ra các giả thiết cho HS trao đổi, thảo luận, chia sẻ. Trên cơ sở đó định hướng cho HS lựa chọn khi cách thức chi tiêu phù hợp để có thể quản lý được nguồn thu và chi tiêu.

3.3.5. Những lưu ý cần thiết khi khai thác nội dung sách giáo khoa *Giáo dục công dân lớp 7* trong dạy học

Một trong những nguyên tắc mà GV cần bám sát khi khai thác nội dung SGK *Giáo dục công dân 7* là: Luôn lấy yêu cầu cần đạt làm cơ sở cho việc tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp. Nội dung học tập được HS thảo luận, được GV đưa ra phải bám sát nội dung yêu cầu cần đạt, tránh tình trạng đi sâu phân tích mặt trái của vấn đề làm sai lệch yêu cầu của bài học. Chẳng hạn, bên cạnh việc tập trung vào nội dung cốt lõi là giữ gìn và bảo tồn di sản văn hoá bằng những việc làm cụ thể, phù hợp lứa tuổi thì GV lại dành nhiều thời gian đi sâu phân tích, phê phán những hành vi, việc làm vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ di sản văn hoá.

Trên cơ sở SGK, GV hoàn toàn có thể linh hoạt, sáng tạo đưa ra những lựa chọn mới phù hợp hơn với thực tiễn sinh động của lớp học, trường học của mình. GV được

quyền sáng tạo và linh hoạt trong việc sử dụng SGK, thay đổi dữ liệu, chất liệu, thay đổi tình huống, câu chuyện, cách tiếp cận vấn đề,... để thực sự có được những giờ học “học sinh là trung tâm”, mà không phải “sách là trung tâm”, hay “giáo viên là trung tâm”.

SGK *Giáo dục công dân 7* của bộ sách Cánh Diều phù hợp với mọi vùng miền trong cả nước, vì các tác giả đã tính đến sự đa dạng, khác biệt vùng miền. Tuy vậy, sự phổ quát đó khi đưa vào sử dụng trong thực tế vẫn có thể được điều chỉnh để trở nên “địa phương hoá”, từ đó có những giờ học giàu tính thực tế, gần gũi và hấp dẫn hơn với HS.

IV- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 7

Đánh giá là một khâu quan trọng của quá trình dạy học môn GDCC. Việc đánh giá kết quả học tập của HS trong môn GDCC được thực hiện theo tinh thần đổi mới hướng tới đánh giá khả năng tư duy, năng lực của HS theo các yêu cầu cần đạt về năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học, đánh giá khả năng vận dụng kiến thức của HS vào đời sống thực tiễn; đánh giá thái độ của HS trước các hiện tượng, vấn đề đạo đức, pháp luật trong đời sống xã hội xung quanh. Việc đánh giá không chỉ đánh giá kết quả mà còn tập trung vào đánh giá quá trình, đánh giá sự tiến bộ của HS.

Khi chuyển từ đánh giá theo chuẩn kiến thức, kỹ năng sang đánh giá theo năng lực, GV cần nhận ra được khả năng tiềm ẩn của HS, không chỉ đánh giá cái mà HS “biết” mà cần đánh giá những gì HS “làm”; quan tâm nhiều hơn đến sự tiến bộ và mức độ năng lực của mỗi cá nhân được bộc lộ trong quá trình học tập, qua đó có sự điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học phù hợp. Đánh giá theo định hướng phát triển năng lực lấy kết quả đầu ra và các phương diện biểu hiện làm mục tiêu, làm căn cứ, chú ý đến các nội dung đánh giá mang tính tổng hợp, gắn với việc giải quyết các tình huống thực tiễn.

4.1. Mục đích đánh giá

– Xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập môn GDCC của HS theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình môn học.

– Cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để HS điều chỉnh hoạt động học tập và GV điều chỉnh hoạt động dạy học.

4.2. Yêu cầu đánh giá

1. Đánh giá phải căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông (Chương trình tổng thể và Chương trình môn GDCC). Đảm bảo tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực và khách quan khi đánh giá. Đánh giá vì sự tiến bộ của HS, coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng học tập của HS, không so sánh HS với nhau.

2. Đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, công cụ khác nhau. Kết hợp đánh giá thông qua các nhiệm vụ học tập (bài kiểm tra dưới dạng trắc nghiệm, vấn đáp hoặc tự luận, bài tập thực hành, bài tiểu luận, bài thuyết trình, bài tập xây dựng kế hoạch, dự án nghiên cứu,...) với đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, hoạt động nhóm, tập thể hay cộng đồng và trong sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày. Chú trọng sử dụng các bài tập tình huống được xây dựng trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với đời sống thực tiễn, đặc biệt là những tình huống, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với HS. Tăng cường các câu hỏi mở gắn với thực tiễn trong các bài tập kiểm tra, đánh giá để HS được thể hiện phẩm chất và năng lực. Việc đánh giá thông qua quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi ứng xử của HS trong quá trình tham gia vào các hoạt động học tập, sinh hoạt ở trường, ở nhà và ở cộng đồng cần dựa trên phiếu nhận xét của GV, HS, gia đình và các tổ chức xã hội.

3. Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS, đánh giá của phụ huynh HS và đánh giá của cộng đồng, trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của HS.

4. Kết quả đánh giá sau mỗi học kì và cả năm học đối với mỗi HS là kết quả tổng hợp đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

4.3. Định hướng đánh giá

Do đặc thù của môn GDCCD, việc đánh giá kết quả học tập môn học này của học sinh lớp 7 cần được thực hiện theo một số định hướng sau:

** Đánh giá cả về nhận thức và hành vi, thái độ của HS*

Mục đích cuối cùng của môn GDCCD là hình thành và phát triển các hành vi, đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống và thái độ của HS trước các hiện tượng, vấn đề của đời sống thực tiễn xã hội xung quanh. Do vậy, đánh giá kết quả học tập môn GDCCD của HS lớp 7 cần đánh giá cả về nhận thức và về thái độ, biểu hiện hành vi thực hiện bài học giáo dục công dân của HS trong cuộc sống hằng ngày ở nhà trường, gia đình và cộng đồng; trong đó, đặc biệt coi trọng việc đánh giá hành vi của HS.

** Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì, đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số*

Đánh giá thường xuyên: Được thực hiện thông qua hỏi – đáp, viết, thuyết trình, thực hành, sản phẩm học tập và quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, các hoạt động tập thể và trong sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày.

Đánh giá định kì: Gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

Đánh giá bằng nhận xét: GV dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của HS trong quá trình học tập. HS dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của bản thân. Cha mẹ học sinh, những cá nhân, tổ chức có tham gia vào quá trình giáo dục HS cung cấp thông tin phản hồi về việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Đánh giá bằng điểm số: GV dùng điểm số để đánh giá kết quả học tập của HS.

Việc đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số được sử dụng trong đánh giá thường xuyên và định kì phù hợp với đặc thù của môn GD&ĐT.

Việc kết hợp các hình thức đánh giá được thực hiện theo định hướng trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Việc đánh giá phải bảo đảm nguyên tắc: Đánh giá sự tiến bộ của HS, coi trọng sự động viên, khuyến khích cố gắng trong học tập, rèn luyện của HS; giúp HS phát huy nhiều nhất năng lực sẵn có hoặc đã được hình thành; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan; không so sánh HS này với HS khác, không tạo áp lực cho HS, GV và cha mẹ HS.

V- HỆ THỐNG SÁCH GIÁO KHOA, SÁCH GIÁO VIÊN, CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO BỔ TRỢ VÀ HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 7

Cùng với SGK *Giáo dục công dân 7*, trong bộ sách môn Giáo dục công dân lớp 7 thuộc Cánh Diều còn có hệ thống tài liệu hỗ trợ giáo viên, học sinh trong dạy học:

- 1) Sách giáo viên Giáo dục công dân 7
- 2) Bài tập Giáo dục công dân 7
- 3) Học liệu điện tử
- 4) Thiết bị và đồ dùng học tập

5.1. Sách giáo viên

Sách giáo viên là tài liệu dành riêng cho GV, là tài liệu hướng dẫn GV về mục tiêu và nội dung chương trình, phương tiện, phương pháp, tài liệu dạy học và cách tổ chức dạy học từng bài học trong Chương trình môn Giáo dục công dân lớp 7.

5.2. Học liệu điện tử

Học liệu điện tử môn Giáo dục công dân lớp 7 gồm SGK phiên bản điện tử và SGK điện tử Cánh Diều.

1/ Phiên bản điện tử SGK Giáo dục công dân 7

SGK phiên bản điện tử là phiên bản điện tử của SGK giấy, được số hoá. Giáo viên, học sinh có thể truy cập, sử dụng tiện lợi khi không cần phải có SGK giấy bên cạnh. Phiên bản điện tử mẫu của bộ SGK lớp 7 Cánh Diều được đăng tải trên website: hoc10.vn

2/ Video clip hỗ trợ dạy học GDCD 7

Hệ thống học liệu, video clip hoạt hình hoá nội dung, hình ảnh, các dạng bài tập tương tác, giữa sách với người học, có khả năng hỏi đáp – đánh giá kết quả làm bài của người học, do đó có tác dụng hướng dẫn học tập và theo dõi quá trình học của học sinh.

5.3. Thiết bị và đồ dùng dạy học

Thiết bị, đồ dùng dạy học môn Giáo dục công dân lớp 7 được xây dựng phù hợp theo Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, có bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm của SGK Giáo dục công dân 7 “Cánh Diều”.

Phần thứ hai. HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7

(Theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 và Công văn số 2613 ngày 23/6/2021 của Bộ GDĐT)

I – CẤU TRÚC KẾ HOẠCH BÀI DẠY

TÊN BÀI:

Thời gian thực hiện: (số tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực

Nêu cụ thể yêu cầu HS **làm được gì** (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và năng lực đặc thù môn học cần phát triển) trong hoạt động học để **chiếm lĩnh** và **vận dụng** kiến thức theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học/hoạt động giáo dục.

2. Về phẩm chất

Nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển gắn với nội dung bài dạy) của HS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập;
- Đồ dùng học tập;
- Học liệu.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu

Xác định rõ mục tiêu của hoạt động là gì (tạo không khí thoải mái cho HS chuẩn bị vào bài học mới; HS bước đầu nhận biết, làm quen với nội dung bài học;...).

b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ cho HS.

- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV giới thiệu bài học mới và những yêu cầu, nhiệm vụ cần giải quyết trong bài học.

KHÁM PHÁ

Hoạt động 2 (3, 4...): Hình thành kiến thức mới (*Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động*).

a) Mục tiêu

- Nêu mục tiêu giúp HS thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới.
- Các năng lực được phát triển cho HS.

b) Tổ chức thực hiện

Trình bày cụ thể các bước tổ chức hoạt động học cho HS:

- GV nêu yêu cầu nhiệm vụ cho HS (làm việc theo nhóm: quan sát hình ảnh, đọc thông tin, thảo luận, trả lời câu hỏi,...).
- Sản phẩm làm việc của HS.
- GV kết luận, chốt kiến thức về những nội dung trong hoạt động.

LUYỆN TẬP

Hoạt động 5: Luyện tập

a) Mục tiêu

- Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học.
- Nêu rõ yêu cầu phát triển các kĩ năng vận dụng kiến thức cho HS.

b) Tổ chức thực hiện

- Nêu rõ cách thức giao nhiệm vụ cho HS; hướng dẫn hỗ trợ HS thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.
- Nêu rõ nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập tự luận, tình huống,... giao cho học sinh thực hiện.
- Sản phẩm: Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập do HS thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.
- Nêu rõ các năng lực hình thành ở HS sau phần Luyện tập.

VẬN DỤNG

Hoạt động 6: Vận dụng

a) Mục tiêu

Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực cụ thể của HS thông qua nhiệm vụ/yêu cầu vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn.

b) Tổ chức thực hiện

Giao cho HS thực hiện các bài tập vận dụng ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học của GV.

Tổng kết bài học

- Tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua một số câu hỏi.
- Hướng dẫn HS tự đánh giá sau bài học.

II- BÀI SOẠN MINH HOẠ

Bài 1

TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG QUÊ HƯƠNG

(2 tiết)

I – MỤC TIÊU

Học xong bài này HS đạt được:

1. Về năng lực

Giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận nhằm giới thiệu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương.

Điều chỉnh hành vi:

– Đồng tình, ủng hộ những việc làm giữ gìn truyền thống tốt đẹp của quê hương; Biết cách bày tỏ thái độ phê phán với những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương.

– Tự thực hiện và giúp đỡ bạn bè thực hiện được một số hoạt động giữ gìn truyền thống tốt đẹp của quê hương.

Phát triển bản thân: Lập kế hoạch thực hiện một việc làm giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương và kiên trì thực hiện theo kế hoạch đã lập.

2. Về phẩm chất

Yêu nước, trách nhiệm: Có ý thức tìm hiểu về truyền thống của quê hương. Tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn truyền thống quê hương. Tôn trọng và chấp hành nghiêm túc nội quy khi tham gia các sinh hoạt cộng đồng, lễ hội tại địa phương.

II – THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, bảng phụ, giấy A4, A3; bút viết bảng.
- SGK, SGV, SBT giáo dục công dân lớp 7.
- Bài hát về chủ đề truyền thống quê hương (Ví dụ: Bài hát “Việt Nam ơi” sáng tác của Minh Beta). Phiếu bài tập (phụ lục 1)

III – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

MỞ ĐẦU

Hoạt động 1: Khởi động

a) Mục tiêu

Học sinh bước đầu huy động được kiến thức, hiểu biết, kinh nghiệm của mình để tìm ra những từ và cụm từ nói về truyền thống của quê hương.

b) Tổ chức thực hiện

– GV giới thiệu trò chơi “Khám phá ô chữ” SGK (trang 3), chia lớp thành 4 hoặc 6 đội, giao nhiệm vụ cho các đội: *Trong thời gian 3 phút, ghép các chữ cái đứng liền nhau trong ô chữ thành các từ/cụm từ có nghĩa và viết nhanh vào bảng phụ (hoặc A3). Hết thời gian, đội nào viết được nhiều từ/cụm từ có nghĩa sẽ là đội thắng cuộc.*

– HS thực hiện trò chơi (trên nền nhạc bài hát Việt Nam ơi), thư kí của đội ghi nhanh các từ tìm được vào bảng phụ. GV quan sát HS thực hiện trò chơi.

– *Sản phẩm:* Các từ tìm được: yêu nước, kiên cường, lạc quan, giản dị, hiếu thảo, hiếu học, an nhàn, quê hương em, truyền thống, cần cù, trung thực, dũng cảm,...

– HS chia sẻ kết quả (bí quyết nào tìm được nhiều câu đúng).

– GV dẫn dắt: Trong số những từ/cụm từ tìm được có những từ nói về truyền thống tốt đẹp của quê hương, Vậy quê hương em có những truyền thống tốt đẹp nào? Làm thế nào để giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp đó? Chúng ta sẽ giải quyết những câu hỏi này ở các hoạt động tiếp theo.

KHÁM PHÁ

Hoạt động 2: Tìm hiểu một số truyền thống tốt đẹp của quê hương

a) Mục tiêu

Học sinh biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin, ý tưởng và thảo luận nhằm giới thiệu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương mình.

b) Tổ chức thực hiện

– GV yêu cầu HS mở SGK (trang 5, 6), chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ: *Tự quan sát 6 hình trong SGK (trang 5, 6) ghi vào vở nháp/A4 những mô tả cho từng hình ảnh; thảo luận theo nhóm 3 câu hỏi trong SGK; ghi vào bảng nhóm (hoặc A3) câu trả lời cho các câu hỏi.*

– HS làm việc cá nhân tìm các chi tiết trong từng hình, trong thông tin liên quan đến các câu hỏi và ghi vào nháp (A4). Trao đổi, thảo luận trong nhóm. Ghi câu trả lời đã thống nhất vào bảng nhóm (hoặc A3). GV quan sát HS thực hiện nhiệm vụ, phát hiện các ý kiến trái chiều, kết quả không giống nhau.

– *Sản phẩm:*

(a) Hình 1: Yêu nước chống giặc; Hình 2: Đoàn kết, sẻ chia; Hình 3: Cần cù lao động; Hình 4: Tôn sư trọng đạo; Hình 5, 6: Các truyền thống văn hoá.

(b) Những truyền thống này được biểu hiện cụ thể ở quê hương (Ví dụ: truyền thống yêu nước gắn với những di tích, sự kiện nào của quê hương; cần cù lao động thể hiện ở sự phát triển của các ngành nghề, làng nghề ở quê hương; truyền thống văn hoá thể hiện ở các lễ hội, phong tục, loại hình nghệ thuật;...).

(c) Truyền thống tốt đẹp của quê hương là những giá trị tốt đẹp, riêng biệt của mỗi vùng miền, địa phương được lưu truyền qua các thế hệ.

– HS cử đại diện giới thiệu sản phẩm và trả lời câu hỏi (nếu có). HS trong lớp lần lượt quan sát kết quả của từng nhóm, ghi chép, lắng nghe, đặt câu hỏi cho nhóm bạn. Thảo luận theo lớp những nội dung chưa thống nhất giữa các nhóm.

– GV tiếp tục nêu câu hỏi mở rộng: *Ngoài những truyền thống vừa tìm được em còn biết đến những truyền thống tốt đẹp nào của quê hương mình?* HS (3 đến 5 em) đứng tại chỗ trả lời nhanh các câu hỏi, GV gợi ý cho HS thảo luận về những truyền thống vừa kể thêm.

– GV nhận xét quá trình HS thực hiện nhiệm vụ. Hướng dẫn HS kết luận theo SGK (trang 6).

Hoạt động 3: Tìm biểu về giữ gìn, phát huy truyền thống quê hương

a) Mục tiêu

Học sinh đồng tình, ủng hộ những việc làm giữ gìn truyền thống tốt đẹp của quê hương; Biết cách bày tỏ thái độ phê phán với những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương.

b) Tổ chức thực hiện

– GV yêu cầu HS mở SGK (trang 6, 7) và giao nhiệm như nội dung sau:

+ *Tự đọc thông tin (trang 6) để xác định những truyền thống tốt đẹp được thể hiện trong thông tin và ý nghĩa của những truyền thống đó (ghi câu trả lời vào A4)*

+ *Tự đọc các trường hợp 1, 2, 3 và trả lời 3 câu hỏi trong SGK trang 7.*

+ *Làm việc theo nhóm: Dựa vào câu trả lời của các thành viên để xây dựng kịch bản đóng vai, bao gồm: tuyến nhân vật, viết lời thoại; nội dung kịch bản (tập trung vào cách thể hiện sự đồng tình, ủng hộ những việc làm giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương và cách bày tỏ thái độ không đồng tình, phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương); phân công vai diễn cho từng thành viên; đóng vai theo kịch bản.*

– HS thực hiện nhiệm vụ: Ghi ý kiến cá nhân ra vở nháp/A4 câu trả lời cho các thông tin và thảo luận nhóm để xây dựng kịch bản, chuẩn bị đóng vai. GV quan sát HS làm việc, kịp thời phát hiện những nhóm có kịch bản tốt, HS thảo luận có nhiều ý tưởng hay và nhóm kịch bản còn sơ sài, thiếu ý tưởng.

– Sản phẩm:

+ Thông tin: Truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái, yêu thương con người, cảm thông chia sẻ,... giúp người dân vượt qua khó khăn để chống lại thiên tai, dịch bệnh,...

+ Các trường hợp: (a) Vân và Hùng đã giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp của quê hương: Truyền thống thống lịch sử, văn hoá, nghệ thuật, uống nước nhớ nguồn, cảm thông chia sẻ,... bằng những hành động cụ thể như: tôn trọng và biết ơn người có công; truyền truyền giới thiệu về truyền thống của quê hương, tích cực, chủ động tìm hiểu về truyền thống quê hương, tham gia các hoạt động nhân đạo, thiện nguyện, giúp đỡ những người gặp khó khăn,... (b) Không đồng ý với anh Q vì anh có thái độ và hành động gây tổn hại đến truyền thống tốt đẹp của quê hương như: phủ nhận giá trị văn hoá, loại hình nghệ thuật của quê hương, ngăn cản người khác thực hiện việc giữ gìn truyền thống quê hương,...(c) Những việc em có thể làm: tích cực tìm hiểu về truyền thống, ủng hộ những việc làm giữ gìn truyền thống quê hương, chủ động, tích cực tham gia các hoạt động học đèn ơn đáp nghĩa, nhân đạo từ thiện, tuyên truyền quảng bá về truyền thống quê hương,...

– HS lần lượt thực hiện phần đóng vai, HS các nhóm khác quan sát, lắng nghe, ghi chép. Thảo luận theo lớp: tập trung phần *vai diễn* và *cách thể hiện* những điều học được về giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương.

– GV dựa trên phần sản phẩm đóng vai và kết quả thảo luận để bổ sung, phân tích thêm những hành động, việc làm HS cần thực hiện (tập trung nhận xét cách học sinh bày tỏ thái độ đồng tình, ủng hộ và cách thể hiện thái độ, cách phê phán,...). Hướng dẫn HS kết luận theo SGK (trang 7).

LUYỆN TẬP

Hoạt động 4: Rèn luyện cách giữ gìn và phát huy truyền thống quê hương

a) Mục tiêu

– Tự thực hiện và giúp đỡ bạn bè thực hiện được một số hoạt động giữ gìn truyền thống tốt đẹp của quê hương.

– Có ý thức tìm hiểu về truyền thống của quê hương. Quan tâm và tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn truyền thống quê hương. Tôn trọng và chấp hành nghiêm túc nội quy khi tham gia các sinh hoạt cộng đồng, lễ hội tại địa phương.

b) Tổ chức thực hiện

– GV phát phiếu bài tập (Phụ lục 1) và giao nhiệm vụ cho HS như nội dung sau:

+ Thảo luận cặp đôi để hoàn thành phiếu bài tập (*Sử dụng luyện tập 1, 2, 3 SGK*)

+ Dựa vào bài tập 3 trong phiếu để thực hành đóng vai theo cặp nhằm rèn luyện các cách giữ gìn truyền thống.

– HS thực hiện nhiệm vụ: Trao đổi với bạn ngồi cạnh để hoàn thành phiếu bài tập. GV quan sát HS làm việc, phát hiện sự khác nhau về kết quả giữa các cặp HS khi trao đổi và hoàn thành phiếu học tập. Phát hiện học sinh có bài giới thiệu độc đáo.

– *Sản phẩm*: Hoàn thành phiếu bài tập.

PHIẾU BÀI TẬP			
Họ tên học sinh: Lớp:			
Bài 1. Viết tên những truyền thống tốt đẹp của quê hương vào cột 1 và những việc cần làm để giữ gìn, phát huy truyền thống đó vào cột 2			
(1)	(2)		
Cần cù lao động	Chăm học, chăm làm việc nhà, giúp đỡ bố mẹ, quý trọng lao động, giữ gìn tài sản, tiết kiệm.		
Uống nước nhớ nguồn	Biết ơn người có công, thầy cô, cha mẹ; Tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện,...		
Lễ hội truyền thống	Tuyên truyền, quảng bá với bạn bè, mọi người,...		
Nghề truyền thống	Học nghề, bảo vệ và phát triển nghề, giới thiệu,...		
Bài 2. Em đồng tình hay không đồng tình với thái độ, việc làm nào dưới đây? Vì sao? (Đồng tình tích dấu X vào ô có; không đồng tình tích vào ô không)			
Thái độ, việc làm	Có	Không	Giải thích vì sao
A. Giữ gìn mọi phong tục, tập quán, thói quen của quê hương mình	X		Hiểu biết hơn về truyền thống để có cách giữ gìn
B. Giới thiệu với mọi người về lễ hội truyền thống của quê mình.	X		Thể hiện niềm tự hào để ai cũng biết đến quê mình
C. Không quan tâm đến truyền thống tốt đẹp của những vùng miền, địa phương khác.		X	Hành động đi ngược với giữ gìn truyền thống
D. Tích cực học tập và tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện.	X		Trách nhiệm phát huy truyền thống quê hương
E. Giữ gìn và bảo vệ môi trường ở nhà, ở trường và nơi công cộng.	X		Góp phần làm cho quê hương thêm tươi đẹp
Bài 3. Xử lý tình huống			
Tình huống	Cách xử lý		
Qua lời kể của ông nội, S được biết đến phong trào “Ba sẵn sàng” và rất tự hào về tinh thần sẵn sàng khi Tổ quốc cần, dù trong thời chiến hay thời bình của người dân quê hương mình. Nhưng	– S là người có suy nghĩ và mong muốn đúng đắn, thể hiện được niềm tự hào của bản thân về truyền thống quê hương.		

mấy hôm trước, anh trai của S nhận được lệnh gọi nhập ngũ, S thấy anh có vẻ do dự, tâm trạng nặng nề không vui. S rất muốn nói những suy nghĩ của mình với anh trai. a) <i>Em hãy nhận xét suy nghĩ của S?</i> b) <i>Nếu là S, em sẽ nói như thế nào với anh trai của mình?</i>	– Ủng hộ, đồng tình với S. – Tìm hiểu nguyên nhân khiến anh trai có tâm trạng do dự, nặng nề. Trực tiếp nói với anh suy nghĩ của mình, khuyên anh vui vẻ nhận nhiệm vụ, sẵn sàng thực hiện tốt nghĩa vụ quân sự,...
--	---

– GV mời 2 đến 3 cặp HS trình bày tại chỗ từng bài tập 1, 2 trong phiếu, những cặp HS khác đối chiếu với kết quả của mình để đưa ra nhận xét, trao đổi.

– GV mời 2 cặp HS có kết quả khác nhau ghi kết quả bài tập 3 lên bảng, tổ chức cho HS nhận xét, thống nhất về nội dung, cách làm.

– GV hướng dẫn các cặp HS thực hành đóng vai theo bài tập 3: HS 1 vào vai người khuyên ⇔ HS 2 trả lời; đổi vai HS 2 vai người khuyên ⇔ HS 1 trả lời. GV tổ chức cho HS chia sẻ cảm nhận sau đóng vai.

– GV dựa vào sản phẩm có được từ phiếu học tập và kết quả quan sát phần thực hành đóng vai để phân tích thêm và đưa ra kết luận:

(1) HS cần tôn trọng, học hỏi những người biết tự hào, giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương.

(2) Cùng bạn chăm chỉ học tập, điều chỉnh hành vi cá nhân, tích cực tham gia các hoạt động góp phần giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương, quảng bá, giới thiệu về quê hương và truyền thống tốt đẹp của quê hương mình.

(3) Kiên quyết phê phán những thái độ, hành vi, việc làm đi ngược lại truyền thống tốt đẹp của quê hương, cần tuyên truyền để mọi người hiểu được điều này.

VẬN DỤNG

Hoạt động 6: Vận dụng

a) Mục tiêu

Lập kế hoạch thực hiện một việc làm giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương và kiên trì thực hiện theo kế hoạch đã lập thông qua viết thông điệp và thiết kế tập san theo chủ đề “Tự hào truyền thống quê em”.

b) Tổ chức hoạt động

Vận dụng 1:

– GV phát cho HS bìa màu, bút dạ, kéo, băng dính 2 mặt và giao nhiệm vụ như sau:

+ Mỗi HS viết vào thẻ màu 1 thông điệp thể hiện niềm tự hào về truyền thống cần cù, sáng tạo của người dân quê hương mình (yêu cầu thông điệp đúng chủ đề, ngắn gọn, sáng tạo, có tính tác động và lan tỏa tới mọi người).

+ Tổ chức cho HS bình chọn thông điệp hay, ấn tượng và thuyết trình trước lớp.

– HS thiết kế thông điệp (cắt bìa theo hình tùy chọn, viết thông điệp), gắn thông điệp vào bảng nhóm. Nhóm trưởng treo bảng nhóm vào vị trí.

Sản phẩm: Thông điệp và bài thuyết trình theo thông điệp.

– GV sử dụng kỹ thuật phòng tranh tổ chức cho HS bình chọn ra khoảng 5 đến 7 thông điệp hay và ấn tượng. HS có thông điệp được bình chọn sẽ thuyết trình thông điệp trước lớp. Lớp bình chọn để chọn ra các thông điệp hay, thuyết trình tốt để trao giải 1, 2, 3.

Vận dụng 2:

– GV hướng dẫn HS lập kế hoạch thiết kế tập san (thực hiện trên lớp) và thực hiện theo kế hoạch (Thực hiện ở nhà) với các công việc cụ thể như sau:

+ *Lập kế hoạch:* Tạo nhóm, thống nhất ý tưởng (tên tập san, hình thức và bố cục trình bày), liệt kê các công việc cần làm (Sưu tầm tư liệu, hình ảnh,...), phân công nhiệm vụ cho các thành viên và thời gian hoàn thành.

+ *Thực hiện:* Thiết kế tập san (Chú ý đến các tiêu chí: hình thức, nội dung, sự sáng tạo, tác động và hiệu quả lan tỏa, sự phối hợp của các thành viên,...).

– HS thực hiện theo kế hoạch đã lập, GV theo dõi, động viên, hỗ trợ trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ.

– *Sản phẩm:* bảng kế hoạch; sổ ghi chép của nhóm: tiến trình thực hiện nhiệm vụ và kết quả của các thành viên; tập san.

– HS chia sẻ kết quả về quá trình thực hiện kế hoạch với các bạn trong lớp theo định kỳ 2 tuần/1 lần (có thể trong giờ GD&CD hoặc giờ học nội dung giáo dục địa phương hoặc giờ sinh hoạt lớp theo chủ đề).

– GV tổ chức giới thiệu, bình chọn tập san có nội dung, hình thức, chủ đề đạt được mục tiêu tuyên truyền, giới thiệu về truyền thống của quê hương. Hướng sử dụng tập san để lan tỏa những hoạt động giữ gìn truyền thống quê hương.

Tổng kết bài học

GV tổng kết nội dung chính và hướng dẫn HS tự đánh giá sau bài học.

MỤC LỤC

	Trang
Phần thứ nhất. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG.....	3
I. Giới thiệu về Chương trình môn Giáo dục công dân lớp 7.....	3
1.1. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt của môn Giáo dục công dân lớp 7.....	3
1.2. Kế hoạch giáo dục môn Giáo dục công dân lớp 7.....	8
II. Sách giáo khoa môn Giáo dục công dân lớp 7.....	9
2.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa môn Giáo dục công dân lớp 7.....	9
2.2. Một số điểm mới của sách giáo khoa môn Giáo dục công dân lớp 7.....	10
III. Dạy học môn Giáo dục công dân lớp 7.....	11
3.1. Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân lớp 7.....	11
3.2. Các kiểu bài học môn Giáo dục công dân lớp 7.....	23
3.3. Cách dạy học.....	24
IV. Vấn đề đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục công dân lớp 7.....	27
4.1. Mục tiêu đánh giá	27
4.2. Yêu cầu đánh giá	28
4.3. Định hướng đánh giá	28
V. Hệ thống sách giáo khoa, sách giáo viên, các tài liệu tham khảo bổ trợ và học liệu điện tử, thiết bị dạy học môn Giáo dục công dân lớp 7.....	29
5.1. Sách giáo viên	30
5.2. Học liệu điện tử	30
5.3. Thiết bị và đồ dùng dạy học	30
Phần thứ hai. HƯỚNG DẪN SOẠN BÀI DẠY HỌC THEO SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7	31
I. Cấu trúc kế hoạch bài dạy	31
II. Bài soạn minh họa	34